

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 09-6-2023.

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Sơn

Bà Nguyễn Thị Loan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 613/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Th, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Số 20, đường Khe Sanh, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Số 57/4, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Thcó mặt; ông Th1vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà Phạm Thị Th thì: Bà Thvà ông Th1 kết hôn năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại số 57/4, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn gì, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do ông Th1 có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác, có con riêng và không có trách nhiệm với gia đình, bà đã

khuyên bảo nhiều lần nhưng ông Th1 vẫn không thay đổi, vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian ly thân bà và ông Th1 đã có tìm hiểu khắc phục những mâu thuẫn nhưng không thành. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông Th1, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Th1.

Về con chung: Bà Th xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 03/09/1991. Hiện nay con chung đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông Th1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa.

Tại phiên tòa, bà Th giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Th1. Về con chung đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Th. Về con chung: con đã đủ tuổi thành niên, thể chất và sức khỏe đều phát triển bình thường, có công việc ổn định nên không đề nghị xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác định không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th1, cư trú tại: Số 57/4, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng

dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, ông Th1 đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đ tiến hành xét xử vắng mặt ông Th1.

[3] *Về nội dung vụ án*: Bà Th và ông Th1 kết hôn năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Th1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống chung giữa bà Th và ông Th1 hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà Th thì nguyên nhân do ông Th1 có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác và có con với nhau, từ đó ông Th1 không có trách nhiệm với gia đình, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông Th1 vẫn không thay đổi. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt họp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho ông Th1 nhưng ông Th1 đều vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình, ông Th1 biết việc bà Th xin ly hôn nhưng cũng không có thiện chí níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Th và ông Th1 phát sinh và kéo dài từ năm 2014 cho đến nay, bà Th xác định không còn tình cảm với ông Th1, có kéo dài thì cuộc sống chung cũng không hạnh phúc. Như vậy, điều kiện hàn gắn tình cảm giữa bà Th và ông Th1 là khó có thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Th1 là có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Bà Th xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 03/09/1991. Hiện nay, con chung đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Th xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà Phạm Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th. Bà Phạm Thị Th và ông Nguyễn Văn Th1 được ly hôn với nhau.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Th phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) bà Th đã tạm nộp theo biên lai thu số 0002240 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Th đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Th có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng ông Th1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đ;
- Chi cục THADS TP. Đ;
- UBND phường I, TP Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Vân Anh